TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 115/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10 – 8 – 2020
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Sỹ Hùng.

2. Bà Trần Kim Nguyện.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thúy Kiều – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 183/2020/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 510/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Hồng M; Địa chỉ: số 170B, Gành Hào, khóm 7, phường C, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Minh T; Địa chỉ: Nhà không số, đường L, khóm 4, phường B, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân, bà Huỳnh Hồng M và ông Phạm Minh T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Uỷ ban nhân dân phường A, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 02 năm 2020 giữa ông T, bà M xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nguyên nhân theo bà M trình bày là do ông T ghen tuông vô cớ, thường hay đánh đập bà. Riêng ông T khai nhận giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất hòa không hàn gắn được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và ông, bà đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay bà M xin ly hôn, ông T đồng ý.

Về con chung là Phạm Huỳnh Giao, sinh ngày 17/7/2001. Hiện con đã thành niên, tự lao động kiếm sống được nên khi ly hôn, bà M và ông T không đặt ra yêu cầu gì về con.

Về tài sản chung, bà M và ông T khai có 01 chiếc xe ba gác cùng một số đồ gồm: khăn, vớ, bao tay và 01 xe mô tô, hiện bà M đang quản lý xe mô tô, ông T đang quản lý xe ba gác. Riêng số đồ đạc đạc nêu trên, ông T cho rằng đã bán sử dụng vào chi phí sinh hoạt gia đình hết. Mặc dù, khi khởi kiện bà M có yêu cầu chia tài sản chung nhưng trong thời gian giải quyết vụ án và tại phiên xử, bà M rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết mà giữa bà với ông T sẽ tự thỏa thuận với nhau.

Về nợ chung, ông T và bà M khai không có.

Đối với ông Phạm Minh T, tuy đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng ông không đến Toà, chỉ gửi văn bản để nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà M nên Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, ông Phạm Minh T đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

[2] Về hôn nhân, bà Huỳnh Hồng M và ông Phạm Minh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét mâu thuẫn thực tế được ông T, bà M trình bày là có thật và cũng chính từ mâu thuẫn trên mà ông, bà không còn tình cảm với nhau. Hiện ông, bà đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, cuộc sống nạnh ai nấy lo, không ai quan tâm đến ai và trong trình giải quyết vụ án, ông bà thống nhất thuận tình ly hôn nên có đủ căn cứ nhận định tình trạng hôn nhân giữa ông T với bà M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kèo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu của bà M về hôn nhân được chấp nhận.

[3] Về con chung là Phạm Huỳnh Giao, sinh ngày 17/7/2001. Hiện con đã thành niên, tự lao động kiếm sống được nên khi ly hôn, bà M và ông T không đặt ra yêu cầu gì về con. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, ông T và bà M khai có nhưng bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết mà giữa bà và ông T sẽ tự thỏa thuận thương lượng với nhau. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà M vẫn giữ ý kiến rút lại yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung – đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của đương sự nên đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà M, trả lại số tiền tạm ứng án phí chia tài sản cho bà M là phù hợp.

[5] Về nợ chung, bà M và ông T khai không có nên không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, bà M phải chịu số tiền là 300.000đ. Riêng số tiền tạm ứng án phí về chia tài sản chung, do bà M rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung nên số tiền trên được trả lại cho bà M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân, chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Hồng M về việc xin ly hôn ông Phạm Minh T.

- Về con chung là Phạm Huỳnh Giao, sinh ngày 17/7/2001. Hiện con đã thành niên, tự lao động kiếm sống được nên khi ly hôn, ông Phạm Minh T cùng bà Huỳnh Hồng M không có yêu cầu gì về con nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, ông Phạm Minh T và bà Huỳnh Hồng M tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung, ông Phạm Minh T và bà Huỳnh Hồng M khai không có, nên không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Huỳnh Hồng M phải chịu số tiền là 300.000đ. Ngày 22/4/2020, bà M đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 600.000đ theo biên lai số 0001665 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước số tiền 300.000đ, số tiền 300.000đ còn lại được trả lại cho bà M.

Bà M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lâm Hoài Ân

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND phường A, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.